TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 385/2025/DS-ST Ngày: 10/9/2025 V/v: *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*	*Tp Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 9 năm 2025*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Minh Châu

2. Ông Lý Thành Trung

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Dương - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đinh Nguyễn Kiều Bân - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 -Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 107/2025/TLST-DS ngày 03 tháng 4 năm 2025 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 142/2025/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 7 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 118/2025/QĐST-DS ngày 20 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP G (G); địa chỉ trụ sở chính: HA N, Phường I, Thành phố Hà Nội,

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông P T L; địa chỉ liên hệ: Tầng J, tòa nhà O, Số 180 – 192 đường N, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh - là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 188/2025/GUQ-TGĐ12 ngày 09/01/2025) (có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Ông L V G; địa chỉ: GB B, phường H, thành phố Hồ Chí Minh; (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/2/2025, các bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng TMCP G (G) có ông P T L là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 11/05/2022, ông L V G đã ký kết Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng G với Ngân hàng TMCP G – Chi nhánh Đ – PGD Quận D (sau đây viết tắt là G) với hạn mức là 200.000.000 đồng. Thời hạn vay là 36 tháng; Mục đích vay: Phục vụ đời sống, nhu cầu chi tiêu cá nhân; Lãi suất vay: 40%/năm; Lãi suất quá hạn: 145%/năm (lãi suất chi tiêu trong hạn). Ngày 20/5/2022, G đã cấp cho ông L V G 01 thẻ tín dụng theo Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế G với hạn mức thẻ: 200,000,000 đồng. Tính đến ngày 18/6/2025, ông L V G đã thanh toán G số tiền 58.290.351 đồng (Trong đó gốc: 10.552.359 đồng, lãi trong hạn: 47.767.992 đồng).

Ngày 18/05/2022, G và ông L V G ký kết Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 03606/HĐTD/2022/HĐTCHM/RB/486454 với hạn mức vay là 200.000.000đồng. Thời hạn vay là 12 tháng; Mục đích vay: Phục vụ đời sống, nhu cầu chi tiêu cá nhân; Lãi suất vay: 19%/năm; Lãi suất quá hạn: 150%/năm (lãi suất chi tiêu trong hạn). Ngày 18/5/2022, G đã giải ngân cho ông L V G theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 03606/HĐTD/2022/HĐTCHM/RB/486454 với số tiền là 200,000,000 đồng. Tính đến ngày 18/6/2025, ông L V G đã thanh toán G số tiền 9.493.608 đồng tiền lãi trong hạn.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông L V G đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ gốc và lãi theo đúng cam kết, thỏa thuận tại các Hợp đồng đã ký kết. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của G, G đề nghị Toà án nhân dân khu vực 3 - Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết các yêu cầu đối với bị đơn L V G:

- Buộc ông L V G phải trả cho G số tiền tạm tính đến ngày 10/09/2025, tổng số tiền là 881.495.054 đồng (Tám trăm tám mươi mốt triệu bốn trăm chín mươi lăm ngàn không trăm năm mươi bốn đồng) trong đó: Đối với Giấy đăng ký kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng G ngày 11/5/2025 gồm: Nợ gốc: 189.416.836 đồng; Nợ lãi: 26.800.430 đồng; Lãi quá hạn: 304.864.547 đồng; Tổng số tiền: 521.081.813 đồng. Đối với Hợp đồng tín dụng hạn mức số 03606/HĐTD/2022/HĐTCHM/RB/486454 gồm: Nợ gốc: 200.000.000 đồng; Nợ lãi: 28.298.173 đồng; Lãi quá hạn: 132.115.068 đồng; Tổng: 360.413.241 đồng.

- Kể từ ngày 11/9/2025, ông L V G còn phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền lãi trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán hết khoản nợ.

* Tại phiên tòa:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông P T L có đơn xin vắng mặt nhưng đã gửi bảng tính lãi tính đến ngày 10/9/2025, tổng số nợ ông L V G phải có trách nhiệm thanh toán là 881.495.054 đồng (Tám trăm tám mươi mốt triệu bốn trăm chín mươi lăm ngàn không trăm năm mươi bốn đồng) trong đó: Đối với Giấy đăng ký kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng G ngày 11/5/2025 gồm: Nợ gốc: 189.416.836 đồng; Nợ lãi: 26.800.430 đồng; Lãi quá hạn: 304.864.547 đồng; Tổng số tiền: 521.081.813 đồng. Đối với Hợp đồng tín dụng hạn mức số 03606/HĐTD/2022/HĐTCHM/RB/486454 gồm: Nợ gốc: 200.000.000 đồng; Nợ lãi: 28.298.173 đồng; Lãi quá hạn: 132.115.068 đồng; Tổng: 360.413.241

đồng. Ông G còn phải tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 11/9/2025, phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền lãi trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán hết khoản nợ.

** Đối với bị đơn ông L V G: Trong quá trình giải quyết vụ án Ông G không đến Tòa và cũng không gửi văn bản trình ông ý kiến của mình đối với yêu cầu của Ngân hàng TMCP G*

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn, chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành nhưng đã được Tòa án thực hiện thủ tục tống đạt, niêm yết hợp lệ, quyền và lợi ích hợp pháp được đảm bảo. Tuy nhiên, Thẩm phán chưa đảm bảo đúng thời gian tống đạt thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3-Thành phố Hồ Chí Minh.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát khu vực 3 – Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP G (G), buộc ông L V G phải có trách nhiệm thanh toán tổng số tiền nợ của các Hợp đồng tín dụng nêu trên tạm tính đến ngày 10/09/2025 là 881.495.054 đồng. Ngoài ra, ông L V G còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh toán (kể từ ngày tiếp theo ngày Toà án xét xử vụ án) cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số tiền nợ theo mức lãi suất quy định tại các hợp đồng đã ký.

Bị đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

** Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:*

Tranh chấp giữa Ngân hàng TMCP G (G) và ông L V G là tranh chấp hợp đồng vay tài sản quy định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do bị đơn là ông L V G có nơi cư trú cuối cùng là phường H (Quận H), Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Thành phố Hồ Chí Minh.

** Về người tham gia tố tụng:* Bị đơn ông L V G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy căn cứ

điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Ngày 30/7/2025, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông P T L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2] Về chứng cứ của vụ án:

Phía nguyên đơn đã nộp bản sao Giấy đăng ký phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế G ngày 11/05/2022 và Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 03606/HĐTD/2022/HĐTCHM/RB/486454 ngày 18/05/2022; đồng thời nộp các chứng cứ khác về tình trạng pháp lý của nguyên đơn, nhân thân của bị đơn. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho bị đơn thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp nhưng bị đơn không đến Tòa án và không gửi văn bản trình bày ý kiến, tham gia phiên họp, phiên hòa giải. Chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là tài liệu bản sao; đồng thời bị đơn không có văn bản phản đối nội dung và tính pháp lý của tài liệu là chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Căn cứ Khoản 1 Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định bản sao Giấy đăng ký phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế G ngày 11/05/2022 và Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 03606/HĐTD/2022/HĐTCHM/RB/486454 ngày 18/05/2022 là chứng cứ của vụ án, đồng thời xem xét cùng với các chứng cứ khác do nguyên đơn cung cấp làm cơ sở để giải quyết vụ án.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

** Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả nợ gốc:*

Ngày 18/05/2022, G đã giải ngân cho ông L V G theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 03606/HĐTD/2022/HĐTCHM/RB/486454 với số tiền 200,000,000 đồng. Tính đến 10/9/2025, ông L V G đã thanh toán G số tiền 9.493.608 đồng tiền lãi trong hạn. Số tiền nợ gốc chưa thanh toán là 200.000.000đồng.

Ngày 20/5/2022, G đã cấp cho ông L V G 01 thẻ tín dụng theo Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế G với hạn mức thẻ: 200,000,000 đồng, tính đến ngày 10/9/2025, ông L V G đã thanh toán G số tiền 58.290.351 đồng (trong đó gốc: 10.552.359 đồng, lãi trong hạn: 47.767.992 đồng). Số tiền nợ gốc đối với khoản vay này chưa thanh toán là 189.416.836đồng

Tuy nhiên, Ông G đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ gốc và lãi theo đúng cam kết, thỏa thuận tại các Hợp đồng đã ký kết. Tạm tính đến ngày 10/9/2025, ông L V G còn nợ G tổng số tiền nợ gốc là 389.416.836 đồng, trong đó nợ gốc đối với khoản vay Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 03606/HĐTD/2022/HĐTCHM/RB/486454 ngày 18/5/2022 là 200.000.000 đồng và nợ gốc đối với khoản vay theo Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế G ngày 11/5/2022 là 189.416.836đồng. Xét thấy việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với số tiền nợ gốc

389.416.836 đồng là có căn cứ nên chấp nhận.

** Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả lãi:*

Căn cứ Bảng tính lãi thẻ tín dụng đối với Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế G từ ngày 23/5/2022-10/9/2025, ông L V G còn nợ lãi: 26.800.430 đồng (*40%/năm*); Lãi quá hạn: 304.864.547 đồng (145% lãi suất chi tiêu trong hạn)

Căn cứ vào bảng tính lãi thấu chi đối với Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 03606/HĐTD/2022/HĐTCHM/RB/486454 từ ngày 19/5/2022 -10/9/2025, ông L V G nợ lãi: 28.298.173 đồng (*19%/năm từ ngày 19/5/2022-16/5/2023*), lãi suất quá hạn: 132.115.068 đồng (150% lãi suất trong hạn)

Hội đồng xét xử có nhận định như sau: Xét thấy việc thỏa thuận lãi suất vay phù hợp theo quy định tại Khoản 2 Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 và phù hợp quy định tại Khoản 1, 2 Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, Chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng. Vì vậy, G yêu cầu ông L V G trả số tiền lãi tính đến ngày xét xử 10/9/2025 với số tiền tổng nợ lãi là 55.098.603 đồng, tổng số tiền nợ lãi quá hạn: 436.979.615 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông L V G phải trả cho Ngân hàng TMCP G (G) tổng số tiền tính đến ngày 10/9/2025 là 881.495.054 đồng (Tám trăm tám mươi mốt triệu bốn trăm chín mươi lăm ngàn không trăm năm mươi bốn đồng) trong đó: Đối với Giấy đăng ký kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng G ngày 11/5/2025 gồm: Nợ gốc: 189.416.836 đồng; Nợ lãi: 26.800.430 đồng; Lãi quá hạn: 304.864.547 đồng; tổng số tiền: 521.081.813 đồng. Đối với Hợp đồng tín dụng hạn mức số 03606/HĐTD/2022/HĐTCHM/RB/486454 gồm: Nợ gốc: 200.000.000 đồng; Nợ lãi: 28.298.173 đồng; Lãi quá hạn: 132.115.068 đồng; tổng số tiền: 360.413.241 đồng. Ông G còn phải tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 11/9/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo mức lãi suất quá hạn quy định tại các Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký với Ngân hàng TMCP G.

[4] *Về án phí*: Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, yêu cầu của Ngân hàng TMCP G (G) được chấp nhận nên bị đơn ông L V G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 38.444.852 đồng.

Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí là 17.345.392đồng cho Ngân hàng TMCP G (G) theo biên lai thu số 0050632 ngày 28/3/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

[5] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị về nội dung và kiến nghị về tố tụng là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 186, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ khoản 1, 2 Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Khoa Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, Chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP G (G) về việc yêu cầu ông L V G trả nợ.

Buộc ông L V G có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP G số tiền tạm tính đến ngày 10/09/2025 là 881.495.054 đồng (Tám trăm tám mươi mốt triệu bốn trăm chín mươi lăm ngàn không trăm năm mươi bốn đồng), trong đó: Đối với Giấy đăng ký kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng G ngày 11/5/2025 gồm: Nợ gốc: 189.416.836 đồng; Nợ lãi: 26.800.430 đồng; Lãi quá hạn: 304.864.547 đồng; tổng số tiền: 521.081.813 đồng. Đối với Hợp đồng tín dụng hạn mức số 03606/HĐTD/2022/HĐTCHM/RB/486454 gồm: Nợ gốc: 200.000.000 đồng; Nợ lãi: 28.298.173 đồng; Lãi quá hạn: 132.115.068 đồng; tổng số tiền: 360.413.241 đồng.

Thanh toán một lần sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ông L V G còn phải tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh kể từ ngày 11/9/2025 số tiền lãi trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Giấy đăng ký phát hành thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế G ngày 11/05/2022 và Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 03606/HĐTD/2022/HĐTCHM/RB/486454 ngày 18/05/2022 cho đến khi thanh toán hết khoản nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông L V G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 38.444.852 đồng (Ba mươi tám triệu bốn trăm bốn mươi ngàn tám trăm năm mươi hai đồng).

Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí là 17.345.392đồng cho Ngân hàng TMCP G (G) theo biên lai thu số 0050632 ngày 28/3/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Khu vực 3 – TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- THADS Khu vực 3- TP.HCM;
- Đương sự
- Lưu VP, HS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ngân

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 270/2025/QĐ-SCBSQĐ	*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 10 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
SỬA CHỮA, BỔ SUNG BẢN ÁN SƠ THẨM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 268 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Xét cần sửa chữa, bổ sung Bản án số 385/2025/TLST-DS ngày 10/9/2025 của Toà án nhân dân khu vực 3- Thành phố Hồ Chí Minh về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", giữa:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP G (G); địa chỉ trụ sở chính: HA N, Phường I, Thành phố Hà Nội,

- *Bị đơn:* Ông L V G; địa chỉ: GB B, phường H, thành phố Hồ Chí Minh.

QUYẾT ĐỊNH:

Sửa chữa, bổ sung Bản án số 385/2025/TLST-DS ngày 10/9/2025 của Toà án nhân dân khu vực 3- Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

Tại trang thứ 6 dòng thứ 04, 05, 07, 08 và tại trang số 7 dòng thứ 02, 12, 13, 30, 31, 32 từ trên xuống của quyết định đã ghi:

" … yêu cầu của Ngân hàng Thương mại cổ phần S được chấp nhận …"

" … Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí là 17.345.392 đồng cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S theo biên lai …"

" … tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền …"

" … Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí là 17.345.392đồng cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S theo biên lai …"

" …- *THADS Khu vực 3- TP.HCM;*
- Đương sự
- Lưu VP, HS…"

Nay sửa chữa, bổ sung như sau:

" … yêu cầu của Ngân hàng TMCP G được chấp nhận..."

" … Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí là 17.345.392đồng cho Ngân hàng TMCP G theo biên lai …"

" … tại Thi hành án dân sự có thẩm quyền …"

" … Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí là 17.345.392đồng cho Ngân hàng TMCP G theo biên lai…"

" …- *Đương sự;*
- Lưu VP, HS…"./.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSNDKV3-TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Ngân

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 271/2025/QĐ-SCBSQĐ	*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 10 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
SỬA CHỮA, BỔ SUNG BẢN ÁN SƠ THẨM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 268 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Xét cần sửa chữa, bổ sung Bản án số 385/2025/TLST-DS ngày 10/9/2025 của Toà án nhân dân khu vực 3- Thành phố Hồ Chí Minh về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", giữa:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP G (G); địa chỉ trụ sở chính: HA N, Phường I, Thành phố Hà Nội,

- *Bị đơn:* Ông L V G; địa chỉ: GB B, phường H, thành phố Hồ Chí Minh.

QUYẾT ĐỊNH:

Sửa chữa, bổ sung Bản án số 385/2025/TLST-DS ngày 10/9/2025 của Toà án nhân dân khu vực 3- Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

Tại trang thứ 6 dòng thứ 05 từ dưới lên của quyết định đã ghi:

" … G ngày 11/5/2025 gồm: Nợ gốc: 189.416.836 đồng; Nợ lãi: 26.800.430 đồng; …"

Nay sửa chữa, bổ sung như sau:

" … G ngày 11/5/2022 gồm: Nợ gốc: 189.416.836 đồng; Nợ lãi: 26.800.430 đồng;...".

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSNDKV3-TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3-
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Ngân